

## LỜI TÁN DƯƠNG

“Trong tác phẩm *Văn hóa, tăng trưởng kinh tế và dịch chuyển quyền lực giữa các quốc gia: Sự cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc*, Chan xem xét lại một số chủ đề cũ nhưng lại tạo ra một cuốn sách mới đầy sáng tạo. Cuốn sách mang văn hóa trở lại cuộc tranh luận về quỹ đạo tăng trưởng của Trung Quốc. Trong khi các tài liệu hiện có nhìn nhận cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc theo góc nhìn song phương, phân tích so sánh của Chan cho thấy cách mỗi quốc gia tự tổ chức nền kinh tế chính trị trong nước quan trọng như thế nào, đặc biệt là lời cảnh báo chống lại việc lạm chi cho ngân sách quốc phòng, đồng thời nhấn mạnh tầm quan trọng của đổi mới công nghệ”.

- Yong Deng, Giáo sư Khoa học chính trị, Học viện Hải quân Hoa Kỳ, và là tác giả của *China's Strategic Opportunity: Change and Revisionism in Chinese Foreign Policy* (2022)

“Cuốn sách đáng chú ý của Chan khám phá một cách sâu sắc sự tương tác giữa văn hóa, tăng trưởng kinh tế và cuộc cạnh tranh kéo dài giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Nó làm sáng tỏ ảnh hưởng sâu sắc của tiến bộ kinh tế đối với sức mạnh và vị thế cạnh tranh của một quốc gia trong các vấn đề toàn cầu. Đi sâu vào bản chất và tương lai tiềm năng của cuộc cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc, cuốn sách cũng đề cập vai trò then chốt của các thể chế trong việc thu hẹp khoảng cách giữa văn hóa và năng lực đổi mới của một quốc gia. Đây là một cuốn sách hấp dẫn phải đọc đối với những ai quan tâm đến quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc và địa chính trị toàn cầu”.

- Kai He, Giáo sư Quan hệ quốc tế, Đại học Griffith và là tác giả của *Contesting Revisionism: China, the United States, and the Transformation of International Order* (2021)

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời cảm ơn</i>	8
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	9
<i>Giới thiệu</i>	11
<i>Chương 1. Nguồn gốc và những ảnh hưởng của văn hóa đến phát triển kinh tế và trật tự chính trị</i>	39
<i>Chương 2. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa vật chất với chủ nghĩa hậu vật chất và tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc trong bối cảnh lịch sử và so sánh</i>	107
<i>Chương 3. Tăng trưởng kinh tế, ưu thế giữa các quốc gia và những đánh đổi trong nước</i>	177
<i>Chương 4. Đổi mới sáng tạo, các ngành công nghiệp mũi nhọn và năng lực cạnh tranh quốc tế</i>	275
<i>Kết luận</i>	333
<i>Tài liệu tham khảo</i>	357

## **LỜI CẢM ƠN**

Tôi cảm ơn Joe Ng đã giám sát quá trình đánh giá cho cuốn sách này, hai nhà đánh giá ẩn danh đã phản hồi hữu ích và các đồng nghiệp khác đã chia sẻ những bình luận sâu sắc của họ. Tôi cũng biết ơn Đại học Colorado đã tài trợ cho tôi trong một chương trình hỗ trợ nghiên cứu dành cho các giảng viên đã nghỉ hưu.

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Steve Chan - Giáo sư Danh dự tại Đại học Colorado, Boulder (Hoa Kỳ), là học giả có nhiều đóng góp trong lĩnh vực khoa học chính trị, với thế mạnh nghiên cứu về quan hệ quốc tế, kinh tế chính trị, chính sách đối ngoại, ra quyết định và khu vực Đông Á. Những năm gần đây, ông tập trung nghiên cứu nhiều vào quan hệ Hoa Kỳ - Trung Quốc, với cách tiếp cận xuyên quốc gia và liên ngành, kết nối các lĩnh vực từ nhân học, kinh tế học, địa lý, lịch sử, tâm lý học đến hành chính công và xã hội học. Từ nền tảng học thuật rộng mở đó, Steve Chan dành sự quan tâm đặc biệt đến mối liên hệ giữa văn hóa, tăng trưởng kinh tế và sự dịch chuyển quyền lực giữa các quốc gia. Ông nhấn mạnh rằng, văn hóa vừa có thể là động lực thúc đẩy, vừa có thể là rào cản đối với sự phát triển, qua đó làm sáng tỏ mối gắn kết giữa văn hóa, tăng trưởng kinh tế và quyền lực trong sự trỗi dậy hay suy thoái của các cường quốc. Các phân tích của ông kết hợp chặt chẽ giữa lý luận với phương pháp so sánh và khai thác các dữ liệu lịch sử, giúp lý giải sâu sắc những biến chuyển phức tạp trong quan hệ quốc tế đương đại.

Nhằm cung cấp cho bạn đọc công trình nghiên cứu có giá trị tham khảo về quan hệ quốc tế, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tổ chức biên dịch và xuất bản cuốn sách *Văn hóa, tăng trưởng kinh tế và dịch chuyển quyền lực giữa các quốc gia: Sự cạnh tranh giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc* của Steve Chan, do Nhà xuất bản Đại học Cambridge (Vương quốc Anh) ấn hành năm 2024. Cuốn sách đi sâu lý giải vai trò

của văn hóa trong việc định hình con đường phát triển của các quốc gia. Tác giả chỉ ra di sản Nho giáo như một nhân tố giúp giải thích tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của các nước Đông Á, đặc biệt là sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc trong những thập niên gần đây dù cho Nho giáo từng bị phê phán là cản trở tiến bộ. Ngày nay Nho giáo được nhìn nhận như một nguồn lực thúc đẩy sự phát triển. Ngược lại, các quốc gia theo đạo Tin Lành - vốn từng là tiên phong trong phát triển kinh tế - đang chứng kiến tốc độ tăng trưởng yếu hơn, đồng thời trải qua sự chuyển dịch văn hóa từ những quan tâm vật chất sang hậu vật chất. Tác giả cho rằng, những thay đổi này không chỉ quyết định triển vọng tăng trưởng mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến năng lực cạnh tranh quốc tế, đặc biệt trong bối cảnh cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc ngày càng gay gắt. Cuốn sách đồng thời cảnh báo về nguy cơ “vượt ngưỡng năng lực quốc gia” trong chi tiêu cho quốc phòng, đối ngoại, nhấn mạnh tầm quan trọng của đổi mới sáng tạo như là động lực then chốt bảo đảm vị thế quốc tế bền vững.

Nhiều nhận định, kết luận của tác giả có giá trị tham khảo, song không ít ý kiến của tác giả cần được tiếp tục thảo luận, nghiên cứu thêm. Để giúp bạn đọc thuận tiện tham khảo và tôn trọng những nhận định của tác giả, chúng tôi cố gắng giữ nguyên bản dịch từ nguyên tác tiếng Anh và khẳng định những ý kiến này không phản ánh quan điểm của Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 9 năm 2025*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT**

## GIỚI THIỆU

Cuốn sách khám phá mối quan hệ giữa năng lực cạnh tranh quốc tế của một quốc gia với niềm tin, tập quán văn hóa của người dân nước đó, trong đó tăng trưởng kinh tế đóng vai trò then chốt trong mối quan hệ này. Mặc dù được đưa ra như một đề xuất chung áp dụng cho các quốc gia khác nhau tại những thời điểm khác nhau, nhưng nội dung phân tích của cuốn sách tập trung vào Trung Quốc và Hoa Kỳ, hai nền kinh tế lớn nhất thế giới hiện nay. Cuốn sách cố gắng trình bày cho chúng ta hiểu rõ hơn cách mà nền văn hóa của Trung Quốc và Hoa Kỳ có thể ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng trong tương lai, từ đó tác động đến vị thế của hai quốc gia này trong trật tự quốc tế.

Những cuộc tranh luận về tác động của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế hoặc các thành tựu khác (chẳng hạn như thành tích học tập) của một quốc gia hay một nhóm người có thể gây tranh cãi, mặc dù đã có một truyền thống nghiên cứu lâu đời về vấn đề này. Trong đó, tác phẩm của Max Weber (1998) về đạo đức Tin Lành có lẽ là ví dụ nổi tiếng nhất. Tuy nhiên, các nghiên cứu về đặc điểm văn hóa chung của một cộng đồng và ảnh hưởng của chúng đối với thành tựu quốc gia hoặc nhóm đã trở nên hiếm hoi hơn trong những năm gần đây và những nghiên cứu này thường vấp phải sự chỉ trích liên

quan đến định kiến chủng tộc, thậm chí bị cáo buộc mang tính phân biệt chủng tộc<sup>1</sup>.

Sự chỉ trích như vậy theo quan điểm của tôi là không đáng, mặc dù có thể hiểu được. Là một người đã chỉ trích gay gắt các quan điểm học thuật cũng như các tường thuật mang tính đại chúng liên quan đến quan điểm dịch chuyển quyền lực trong chính trị quốc tế và mối nguy hiểm được cho là do sự chuyển giao đó gây ra (được Graham Allison đặt tên là “Bầy Thucydides” vào năm 2017), tôi có thể thấy những quan điểm tương chừng là tự nhiên và thậm chí hiển nhiên đối với một số người lại có thể bị người khác xem là đơn giản hóa hoặc thậm chí thái quá. Tuy nhiên, loại phản ứng này không nên ngăn cản chúng ta tham gia vào một cuộc tranh luận cởi mở, trung thực và sôi nổi về tính hợp lệ của những ý tưởng đang được trình bày.

Để làm rõ, tôi sử dụng sự hoài nghi để xem xét những lý giải về các hiện tượng xã hội, kinh tế, văn hóa hoặc chính trị dựa vào bất kỳ yếu tố đơn lẻ nào. Những lý giải chỉ dựa vào một nguyên nhân duy nhất bao gồm cả những lý giải về sự xảy ra của các cuộc chiến tranh (chẳng hạn như lý giải về cái gọi là “Bầy Thucydides”), không thể nắm bắt được sự phức tạp của những hiện tượng này. Do đó, ví dụ, có nhiều con đường dẫn đến chiến tranh, thường liên quan đến các tương tác phức tạp và vòng lặp phản hồi giữa nhiều yếu tố (Levy và Thompson (2010a)).

---

1. Ví dụ: Chua, Amy: *Battle Hymn of the Tiger Mother*, Penguin, New York, 2011; Chua, Amy, and Jed Rubenfeld: *The Triple Package: How Three Unlikely Traits Explain the Rise and Fall of Cultural Groups in America*, Penguin, New York, 2014.

Quan sát này cũng áp dụng cho các lý giải văn hóa về tăng trưởng kinh tế. Hơn nữa, truyền thống văn hóa thường có những đặc điểm đa dạng, thậm chí mâu thuẫn, và chúng có thể tiến hóa, thay đổi theo thời gian. Rõ ràng, không phải mọi người được cho là thuộc cùng một nhóm văn hóa nhất thiết sẽ tuân thủ tất cả các niềm tin và giá trị được gán cho nhóm này. Quan trọng nhất, những niềm tin và giá trị này tương tác với các yếu tố khác, vừa định hình, vừa bị định hình bởi các điều kiện liên quan khác. Do đó, ví dụ, các giá trị Nho giáo được cho là về tiết kiệm, làm việc chăm chỉ và đề cao giáo dục tự chúng không thể giải thích được tại sao Hoa kiều ở Đông Nam Á lại thành công về kinh tế, trong khi Trung Quốc lại lâm vào tình trạng tụt hậu suốt một thế kỷ bị phương Tây và Nhật Bản xâm lược, cũng như trong giai đoạn kinh tế trì trệ... cho đến khi Đặng Tiểu Bình đề xuất công cuộc cải cách vào cuối những năm 1970.

Tôi nêu ra những lưu ý này ngay từ đầu bởi tôi nhận thức rõ rằng sẽ có những tranh luận xoay quanh việc văn hóa dân tộc ảnh hưởng như thế nào đến sự trỗi dậy hay suy vong của một quốc gia trong quan hệ quốc tế. Như đã đề cập, hệ giá trị văn hoá này không cố định hoặc trì trệ. Nó thay đổi theo thời gian, do đó là một phần quan trọng của câu chuyện về năng lực cạnh tranh quốc gia đang thay đổi ảnh hưởng đến thứ hạng quốc tế của các quốc gia.

Cuộc tranh luận về việc yếu tố thể chế hay văn hóa, cái nào đóng vai trò quyết định hơn trong việc ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế là vô ích. Rõ ràng, cả hai đều có liên quan. Hơn nữa, thể chế có thể ảnh hưởng đến văn hóa, giống như văn hóa có thể ảnh hưởng đến thể chế. Do đó, có thể có mối quan hệ nhân quả hai chiều giữa văn hóa và thể chế, như được minh họa trong

nhận định: “Trong trường hợp của Trung Quốc, nền văn hóa Nho giáo mang tính tập thể của nước này có thể tương thích hơn với một thể chế chính trị tập quyền cao, và thể chế lịch sử lâu đời của chế độ khoa cử ở nước này có lẽ đã góp phần hình thành nên sự đề cao đặc biệt đối với giáo dục của nền văn hóa Trung Hoa”<sup>1</sup>. Văn hóa Nho giáo có thể đã có những đóng góp vào hiệu quả tương đối của chính phủ và các chính sách của Trung Quốc, ít nhất là theo cách so sánh với các nước đang phát triển khác và các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Thể chế và văn hóa có mối quan hệ tương tác hai chiều với quá trình phát triển kinh tế, trong đó các yếu tố này ảnh hưởng lẫn nhau và tạo ra các vòng lặp phản hồi theo thời gian. Thế giới không vận hành theo các phân đoạn rõ ràng được phân chia bởi các ngành học khác nhau. Như Ronald Inglehart đã lưu ý: “Cả bằng chứng cấp độ xã hội lẫn cấp độ cá nhân đều cho thấy rằng các thể chế kinh tế và chính trị của một xã hội được hình thành bởi các yếu tố văn hóa cũng như yếu tố kinh tế”<sup>2</sup>.

Mối quan hệ có ảnh hưởng qua lại giữa văn hóa và kinh tế được thể hiện rõ ràng trong phần lớn các phần thảo luận của cuốn sách. Tôi ủng hộ ý tưởng chung, bắt nguồn từ hơn một thế kỷ trước bởi Max Weber (1998) và sau đó được các học giả như David McClelland (1961) đề xuất, rằng các xung động và khuynh hướng văn hóa đóng vai trò to lớn trong sự phát triển kinh tế, như trường hợp của đạo Tin Lành trong sự phát triển kinh tế của

---

1. Zhu, Tian: *Catching Up to America: Culture, Institutions, and the Rise of China*, Cambridge University Press, Cambridge, 2021, p.166.

2. Inglehart, Ronald: *Modernization and Postmodernization: Cultural, Economic, and Political Change in 43 Societies*, Princeton University Press, Princeton, NJ, 1997, p.217.

châu Âu. Tôi cũng đồng tình với quan điểm rằng sự phát triển kinh tế có thể tác động ngược lại đến cách nhìn nhận văn hóa của một xã hội, như việc chuyển đổi từ các giá trị vật chất sang các giá trị hậu vật chất được Ronald Inglehart (1990, 1997, 2004) ghi nhận. Thực ra, những ý tưởng này là những chủ đề quan trọng cho phần lớn lập luận của cuốn sách.

Vì văn hóa là kết quả của một quá trình tiến hóa lâu dài và thể hiện di sản của một quốc gia, tôi tập trung vào yếu tố này mặc dù tôi thừa nhận vai trò không thể thiếu của các thể chế và chính nền kinh tế đối với sự phát triển. Đương nhiên, văn hóa, thể chế và kinh tế không chỉ ảnh hưởng lẫn nhau mà còn bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác như địa lý và khí hậu. Không tránh khỏi sẽ có câu hỏi kiểu “con gà và quả trứng” được đặt ra, đó là: văn hóa, thể chế hay kinh tế đâu là yếu tố tiên quyết? Tôi quyết định lựa chọn yếu tố văn hóa để đưa ra các lý giải trong cuốn sách này, bởi mặc dù các chuẩn mực và tập quán văn hóa ban đầu có thể bị ảnh hưởng bởi địa lý và khí hậu, nhưng tôi cho rằng chúng là tiền đề để tạo ra các thể chế xã hội và chính trị, cũng như hoạt động của nền kinh tế hiện đại<sup>1</sup>. Một lần nữa, điều này không có nghĩa là các chuẩn mực và tập quán văn hoá không bị ảnh hưởng bởi thể chế và kinh tế. Hoàn toàn không phải vậy và khái niệm “đồng tiến hoá” (coevolution) mô tả chính xác nhất mối tương tác của chúng theo thời gian.

Cho đến nay đã có một lượng lớn và ngày càng tăng các công trình nghiên cứu về sự thay đổi trong cân bằng quyền lực giữa

---

1. Ví dụ: Acemoglu, Daron, and James A. Robinson: *Why Nations Fail: The Origins of Power, Prosperity, and Poverty*, *Ibid*; Diamond, Jared: *Guns, Germs, and Steel: The Fate of Human Societies*, Norton, New York, 2017;...

Trung Quốc và Hoa Kỳ<sup>1</sup>. Các công trình nghiên cứu đó đều đưa ra dự đoán về quyền lực tương đối của Trung Quốc và Hoa Kỳ, tiếp đó về vị thế quốc tế của hai nước trong những năm tới. Cuốn sách này chia sẻ mối quan tâm đó trong việc cố gắng hiểu những yếu tố có khả năng chuyển đổi cấu trúc của hệ thống liên quốc gia. Yếu tố quan trọng nhất theo quan điểm của tôi là tăng trưởng kinh tế trong nội bộ quốc gia, vì điều này cần thiết để củng cố và duy trì vị thế quốc tế của một quốc gia. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế tự nó chủ yếu được thúc đẩy bởi khả năng sáng tạo và đổi mới của một quốc gia cũng như khả năng tiên phong trong các ngành công nghiệp hàng đầu, nhằm thúc đẩy không chỉ nền kinh tế của chính quốc gia đó mà còn tạo động lực cho toàn bộ nền kinh tế toàn cầu.

Do đó, nội dung của cuốn sách phản ánh một giả thiết đơn giản gồm hai mệnh đề. Mệnh đề thứ nhất cho rằng, văn hóa của một quốc gia ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế của quốc gia đó. Mệnh đề thứ hai khẳng định rằng, tăng trưởng kinh tế chính là nền tảng và yếu tố quyết định vị thế quốc tế của quốc gia đó được phản ánh qua sức mạnh tương đối so với các quốc gia khác. Theo lập luận này, sự thay đổi trong cân bằng quyền lực ở cấp độ liên quốc gia chủ yếu là kết quả của hiệu suất kinh tế nội bộ tương đối của các quốc gia, vốn lại chịu ảnh hưởng bởi các tập quán văn hóa, thể chế trong nước cũng như khả năng thúc đẩy mở rộng biên giới khoa học và tri thức.

Cách tiếp cận của cuốn sách này phản ánh mối quan tâm về một sự không thống nhất nghiêm trọng trong các nghiên cứu

---

1. Ví dụ: Beckley, Michael: "China's Century? Why America's Edge Will Endure", *International Security*, 36(3), 2011 - 2012, pp.41-78;...

học thuật hiện tại. Hai lĩnh vực phát triển kinh tế và quan hệ quốc tế phần lớn đã tồn tại tách biệt, và điều này gây thiệt hại cho cả hai. Như William Thompson và Leila Zakhirova đã nhận xét, các công trình nghiên cứu về “phát triển kinh tế thường có xu hướng quá tập trung vào nội bộ. Trong khi đó, ngành quan hệ quốc tế lại ngược lại, bỏ qua những thay đổi quan trọng từ bên trong”<sup>1</sup>. Vì vậy, cuốn sách này nối tiếp một số nghiên cứu đáng chú ý trong quá khứ<sup>2</sup> trong việc cố gắng giải quyết “mối liên kết bị bỏ quên” trong diễn ngôn về sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc.

Tất cả ba yếu tố (sự thay đổi trong cân bằng quyền lực, tăng trưởng kinh tế nội bộ và xu hướng văn hóa) đều bất biến. Ví dụ, người Mỹ theo đạo Tin Lành trong những năm gần đây đã không còn đạt thành tựu về mặt kinh tế như các nhóm khác. “Hiện nay, người theo đạo Tin Lành ở Mỹ có mức giàu trung bình thấp hơn, và việc lớn lên trong một gia đình theo đạo Tin Lành phúc âm (Evangelical) hoặc Tin Lành bảo thủ có tương quan với xu hướng đi xuống về mặt kinh tế - xã hội”<sup>3</sup>. Điều này trái ngược với phân tích kinh điển của Max Weber (1998) khi cho rằng đạo đức Tin Lành từng là động lực chủ chốt thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Các số liệu khảo sát gần đây từ các nghiên cứu đa quốc gia dường như củng cố nhận định này, thể hiện sự khác biệt

---

1. Thompson, William R., and Leila Zakhirova: *Racing to the Top: How Energy Fuels Systemic Leadership in World Politics*, Oxford University Press, Oxford, 2019, p.30.

2. Ví dụ: Gibbon, Edward: *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire*, Penguin Books, London, 2000; Gilpin, Robert: *War and Change in World Politics*, *Ibid*;...

3. Chua, Amy, and Jed Rubenfeld: *The Triple Package: How Three Unlikely Traits Explain the Rise and Fall of Cultural Groups in America*, *Ibid*, p.8.

giữa các nhóm dân cư sống trong cùng một quốc gia (trường hợp này là Hoa Kỳ). Các dữ liệu này cho thấy, cùng với mức sống ngày càng cao, người dân tại các quốc gia theo đạo Tin Lành phát triển có xu hướng ít chú trọng đến thành tựu cá nhân hơn. “Thang đo thành tựu có mối tương quan âm với tỷ lệ người dân theo đạo Tin Lành trong một quốc gia nhất định, nghĩa là càng nhiều người theo đạo Tin Lành, mức độ thúc đẩy thành tựu càng thấp”<sup>1</sup>. Hiện tượng này dạy chúng ta rằng các giá trị văn hóa không phải là bất biến mà có thể thay đổi đáng kể theo thời gian.

Như đã đề cập, cuốn sách này cố gắng liên kết một hiện tượng ở cấp độ nhóm (xu hướng văn hóa) với một kết quả ở cấp độ quốc gia (tăng trưởng kinh tế), và từ đó liên kết hiện tượng ở cấp độ quốc gia với kết quả ở cấp độ quốc tế về cuộc cạnh tranh giữa các thành viên của một nhóm nhỏ, gồm các cường quốc lớn. Quá trình phát triển của các xu hướng văn hóa và biến động của các nền kinh tế quốc gia theo thời gian tạo điều kiện để liên kết chúng với sự trỗi dậy và suy tàn của các cường quốc trong suốt lịch sử<sup>2</sup>. Tất nhiên, các chủ đề này, đặc biệt là đối với các nhà khoa học xã hội, quá phức tạp để được mô tả bằng các giải thích

---

1. Lipset, Seymour M., and Gabriel S. Lenz: “Corruption, Culture, and Markets” in Lawrence E. Harrison and Samuel P. Huntington (eds.): *Culture Matters: How Values Shape Human Progress*, Basic Books, New York, 2000, p.121.

2. Xem thêm Chatterjee Miller, Manjari: “The Role of Beliefs in Identifying Rising Powers”, *Chinese Journal of International Politics*, 9(2), 2016, pp.211-238; Chatterjee Miller, Manjari: *Why Nations Rise: Narratives and the Path to Great Power*, Oxford University Press, Oxford, 2021; Chua, Amy: *Day of Empire: How Hyperpowers Rise to Global Dominance - and Why They Fell*, Doubleday, New York, 2007; Gibbon, Edward: *The History of the Decline and Fall of the Roman Empire*, *Ibid*,...

đơn nguyên. Do đó, lập luận phân tích hai bước vừa trình bày không nhằm gợi ý rằng các yếu tố khác không quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia hoặc vị thế giữa các quốc gia. Như tôi đã nói, các kết quả này thường do sự tương tác của nhiều biến số tạo thành. Lập luận của tôi thay vào đó nhấn mạnh ảnh hưởng của các thực hành và thể chế văn hóa đối với tăng trưởng kinh tế, cùng với tầm quan trọng của tăng trưởng kinh tế trong việc ảnh hưởng đến vị thế tương đối của một quốc gia trong hệ thống thứ bậc quốc tế.

Như đã đề cập trước đó, cách giải thích về hiệu suất kinh tế dựa trên yếu tố văn hóa có một truyền thống học thuật lâu đời, dù gần đây mức độ phổ biến của cách tiếp cận này trong giới học thuật đã suy giảm. Nghiên cứu kinh điển của Max Weber (1998) về đạo đức Tin Lành, vốn giúp lý giải tại sao các quốc gia Tin Lành lại đạt hiệu suất kinh tế vượt trội so với các nước Công giáo vào thời của ông, vẫn là một biểu tượng tiêu biểu của dòng học thuật này. Các học giả khác, như David McClelland (1961), cũng đã chỉ ra rằng tinh thần quốc gia dựa trên nhu cầu tâm lý chung về thành công là động lực chính thúc đẩy sự năng động và thành tựu kinh tế. Ngoài ra, còn có những học giả khác, như Marion Levy (1954), đã cho thấy các thể chế văn hóa hoặc xã hội như chế độ trưởng nam thừa kế (primogeniture) là yếu tố quan trọng, thể hiện sự khác biệt giữa các trải nghiệm ban đầu của Trung Quốc và Nhật Bản trong quá trình theo đuổi hiện đại hóa kinh tế.

Dù không tập trung hoàn toàn vào hiệu suất kinh tế tương đối giữa các quốc gia, các tác giả khác đã lập luận một cách thuyết phục rằng văn hóa tạo ra sự khác biệt lớn trong mức độ tin cậy giữa các cá nhân và cảm nhận hiệu quả chính trị của người dân trong một xã hội. Chẳng hạn, nghiên cứu kinh điển của

Edward Banfield (1958) về miền nam Italy đã chỉ ra sự mất lòng tin sâu sắc của người dân đối với người lạ và các thể chế chính trị, gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho sự gắn kết xã hội, hội nhập chính trị và tăng trưởng kinh tế của đất nước đó. Nghiên cứu so sánh của Gabriel Almond và Sidney Verba (1963) về văn hóa công dân ở năm quốc gia (Hoa Kỳ, Đức, Mexico, Italy và Anh) là một công trình tiên phong khác về thái độ, niềm tin và giá trị chính trị của người dân có tác động nhân quả trực tiếp đến sức khỏe và triển vọng của các thể chế dân chủ tương ứng của họ. Gần đây hơn, một nghiên cứu khác về văn hóa chính trị ở Italy của Robert Putnam (1993) cũng rất có ảnh hưởng. Nó một lần nữa nhấn mạnh tầm quan trọng của lòng tin xã hội trong việc khuyến khích phát triển kinh tế và xây dựng nền dân chủ. Là những nhà sử học kinh tế, David Landes lập luận rằng “văn hóa tạo ra tất cả sự khác biệt”<sup>1</sup> trong việc giải thích sự phát triển kinh tế, và Joel Mokyr (2016) cũng chỉ ra những thay đổi văn hóa ở châu Âu trong giai đoạn 1500 - 1700 như một tiền thân của quá trình công nghiệp hóa của lục địa này do Anh dẫn đầu.

Trong những năm gần đây, nhiều học giả đã chỉ ra di sản Nho giáo của Đông Á là lời giải thích chính cho sự tăng trưởng kinh tế đặc biệt của khu vực này<sup>2</sup>. Sự đề cao của truyền thống này vào giáo dục, tiết kiệm và cần cù lao động cũng đã được viện

---

1. Landes, David S.: *The Wealth and Poverty of Nations: Why Some Are So Rich and Some Are So Poor*, Norton, New York, 1999, p.517.

2. Ví dụ: Hamilton, Gary G., and Cheng-shu Kao: “Max Weber and the Analysis of East Asian Industrialization”, *International Sociology*, 2(3), 1987, pp.289-300; Hofstede, Geert, and Michael Harris Bond: “The Confucian Connection: From Cultural Roots to Economic Growth”, *Organizational Dynamics*, 16(4), 1988, pp.5-21;...

dẫn để giải thích những thành tựu học tập và kinh tế của những người nhập cư châu Á và con cái của họ ở Hoa Kỳ<sup>1</sup>. Quan trọng là, những yếu tố này giải thích thành công kinh tế - xã hội theo cách định nghĩa thông thường không chỉ giới hạn ở người Trung Quốc và các dân tộc Đông Á khác có di sản Nho giáo. Các nhóm khác có những đặc điểm văn hóa này, chẳng hạn như những người gần đây đã di cư đến Hoa Kỳ từ Cuba, Ấn Độ, Iran, Jamaica, Lebanon và Nigeria, cũng đã vượt trội so với các nhóm bản địa trong các hoạt động học tập và kinh tế của họ, mặc dù họ không có được những lợi thế kinh tế - xã hội thông thường vốn có lợi cho các gia đình da trắng giàu có, đã định cư lâu đời tại Hoa Kỳ<sup>2</sup>.

Mặc dù Hoa Kỳ có các cơ sở và đội ngũ nhân viên y tế tốt nhất thế giới, nhưng trong việc đối phó với những thách thức do đại dịch Covid-19 gây ra, nước này đã hoạt động kém hơn nhiều so với các quốc gia có cơ sở nguồn lực nhỏ hơn nhưng có năng lực chính trị cao hơn. Mặc dù chỉ chiếm 4,2% dân số thế giới, người Mỹ chiếm 18,8% tổng số ca nhiễm và 15,8% tổng số ca tử vong do virus này tính đến ngày 15/02/2022<sup>3</sup>.

Francis Fukuyama (2020) cho rằng, ba yếu tố chịu trách nhiệm cho hiệu suất yếu kém này là: lãnh đạo, lòng tin xã hội và năng lực chính sách (hoặc năng lực chính trị). Văn hóa chính trị của Hoa Kỳ được phản ánh bởi mức độ tin cậy xã hội tương đối

---

1. Xem Chua, Amy: *Battle Hymn of the Tiger Mother*, *Ibid*.

2. Xem Chua, Amy, and Jed Rubenfeld: *The Triple Package: How Three Unlikely Traits Explain the Rise and Fall of Cultural Groups in America*, *Ibid*.

3. Xem [www.google.com/search?channel=cus5&client=firefox-b-1-d&q=covid+cases+worldwide](https://www.google.com/search?channel=cus5&client=firefox-b-1-d&q=covid+cases+worldwide).

thấp là một phần quan trọng trong lời giải thích vì sao nước này không thành công trong việc đối phó với đại dịch. Có sự hoài nghi rộng rãi về hiệu quả của vắc xin để bảo vệ chống lại virus và sự mất lòng tin vào lời khuyên khoa học và các quy định của Chính phủ. Tuy nhiên, như Fukuyama đã lưu ý, các yếu tố khác cũng đóng vai trò trong tỷ lệ lây nhiễm và tử vong cao ở Hoa Kỳ. Do đó, chỉ riêng văn hóa không thể kể hết toàn bộ câu chuyện. Tuy nhiên, du khách Mỹ đến Đông Á không thể không nhận thấy rằng hầu hết mọi người ở đó vẫn đeo khẩu trang vào thời điểm tôi bắt đầu những dòng chữ này (tháng 3/2023), trong khi hầu hết người Mỹ đã từ bỏ thói quen này ngay cả khi họ ở những nơi công cộng đông người.

Chương 1 xem xét tài liệu liên quan đến xu hướng văn hóa với hiệu suất kinh tế. Chương này cũng bao gồm các nghiên cứu về ảnh hưởng của văn hóa một quốc gia đối với trật tự chính trị và bản sắc của quốc gia đó. Phân tích của Karl Wittfogel về các xã hội thủy lợi là một ví dụ<sup>1</sup>. Ông lập luận rằng, các dự án xây dựng công trình lớn để kiểm soát lũ lụt và cung cấp thủy lợi đòi hỏi một quyền lực tập trung lớn để chỉ đạo và huy động nỗ lực tập thể, điều này đến lượt nó đã tạo ra một truyền thống chuyên chế trong các xã hội như Trung Quốc (Landes cũng đồng tình với quan điểm này)<sup>2</sup>. Trật tự thứ bậc của các mối quan hệ xã hội và chính trị của văn hóa Nho giáo đã khiến những học giả khác như Lucian Pye (1967, 1968; Pye và Pye (1985)) lập luận rằng, người Trung Quốc (và cả những người châu Á khác như người Myanmar)

---

1. Xem Wittfogel, Karl A.: *Oriental Despotism: A Comparative Study of Total Power*, Yale University Press, New Haven, CT, 1957.

2. Xem Landes, David S.: *The Wealth and Poverty of Nations: Why Some Are So Rich and Some Are So Poor*, *Ibid*, pp.27-28.

có xu hướng tìm kiếm và tuân theo các nhân vật có thẩm quyền. Tương tự, theo Richard Solomon (1972), những trải nghiệm xã hội hóa của người Trung Quốc, đặc biệt là các phương pháp nuôi dạy con cái của họ, khiến họ dễ bị chi phối bởi chế độ chuyên quyền. Gần đây hơn, Samuel Huntington (1996) đã viết về sự va chạm của các nền văn minh, chỉ ra tầm quan trọng của các giá trị văn hóa và bản sắc tôn giáo trong việc định hình các mối quan hệ quốc tế.

Các nghiên cứu được đề cập trong đoạn trên không trực tiếp bàn đến hiệu suất kinh tế của các quốc gia khác nhau, nhưng chúng vẫn liên quan vì các thể chế chính trị và chính sách của chính phủ đều bắt nguồn từ nền tảng văn hóa. Do đó, văn hóa có thể ảnh hưởng đến hiệu suất kinh tế một cách gián tiếp thông qua con đường này. Nhiều nghiên cứu về các nền kinh tế công nghiệp hoá mới (NIEs) của Đông Á đã tìm cách lý giải tốc độ tăng trưởng nhanh chóng của khu vực này<sup>1</sup>.

Những thể chế chính trị và chính sách của chính phủ được giả định thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nên được xây dựng và tương thích với các chuẩn mực văn hóa và xã hội hiện có của các quốc gia liên quan (Evans (1995)). Đương nhiên, những thể chế và chính sách gặp phải sự phản kháng hoặc không thuận lợi từ các chuẩn mực văn hóa - xã hội sẽ có khả năng thất bại cao hơn so với những chính sách nhận được sự hỗ trợ hoặc thuận chiều từ các chuẩn mực đó...

---

1. Ví dụ: Amsden, Alice A.: *Asia's Next Giant: South Korea and Late Industrialization*, Columbia University Press, New York, 1989; Berger, Peter L.: "An East Asian Developmental Model?" in Peter L. Berger and Hsin-Huang Michael Hsiao (eds.): *In Search of an East Asian Development Model*, Transaction Publishers, Piscataway, NJ, 1988, pp.3-11;...

Trong Chương 1, tôi cũng xem xét bằng chứng về sự khác biệt trong thành công học thuật và kinh tế giữa các nhóm dân tộc khác nhau đang sống ở Hoa Kỳ. Câu hỏi đặt ra là tại sao một số gia đình nhập cư nhất định, chẳng hạn như những người có nền tảng Nho giáo, có xu hướng đạt được kết quả tốt hơn theo các thước đo thành công thông thường. Tất nhiên, sự vượt trội như vậy không chỉ giới hạn ở các cộng đồng nhập cư, như những thành tựu kinh tế xã hội đáng kể của người Mormon và người Do Thái đã được chứng minh. Những yếu tố nào là công thức thành công của các nhóm này? Đặc quyền kinh tế xã hội không giải thích được thành tựu của họ và các cộng đồng dân tộc khác vì nhiều thành viên của họ đến từ các gia đình nghèo với trình độ học vấn thấp và thường là những người tị nạn chạy trốn sự đàn áp chính trị hoặc khó khăn kinh tế ở quê hương. Không quá bất ngờ khi cuộc thảo luận này dẫn đến kết luận rằng, những xã hội luôn tiếp nhận với nhiều hình thức và chào đón người nhập cư thường gạt hái lợi ích từ nguồn nhân lực này, đặc biệt là nhờ các kỹ năng chuyên môn và tinh thần khởi nghiệp mà họ mang đến.

Tôi lập luận rằng nhiều cách lý giải phổ biến về thành công kinh tế của các nền kinh tế công nghiệp hóa mới ở Đông Á, về nguyên tắc, cũng có thể áp dụng cho các nước đang phát triển khác - nhưng thực tế thì kinh tế của những nước này tăng trưởng chậm hơn nhiều hoặc thậm chí có năm còn suy giảm. Chẳng hạn, chi phí lao động thấp là một điều kiện chung đặc trưng cho các nước đang phát triển nói chung, và tăng trưởng dựa vào xuất khẩu là một chiến lược về lý thuyết có thể được tất cả các quốc gia áp dụng. Những yếu tố đó có thể đã khuyến khích hoặc tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế của các nền kinh tế công

nghiệp hóa mới ở Đông Á, nhưng chúng chỉ là những nguyên nhân trực tiếp cho hiện tượng này. Vậy đâu là những nguyên nhân sâu xa giúp các nền kinh tế công nghiệp hóa mới ở Đông Á tận dụng được những điều kiện hoặc chiến lược đó, và từ đó đạt được mức hiệu suất kinh tế tốt hơn nhiều so với các nước còn làm trong nhóm các nước đang phát triển?

Cuộc thảo luận liên quan trong Chương 1 đặt nền tảng để tìm hiểu về những đặc điểm phân biệt các nền kinh tế công nghiệp hóa mới ở Đông Á với các nước đang phát triển khác - và hơn thế, là những đặc điểm chung khiến các nền kinh tế phát triển nhanh này lại tập trung ở khu vực Đông Á. Đồng thời, chương này cũng đặt câu hỏi tại sao phần lớn các nước đang phát triển khác - trừ một vài ngoại lệ chủ yếu là các nước giàu tài nguyên như Botswana hay Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất - lại không đạt được tốc độ tăng trưởng tương tự. Chương này cũng đề cập đến các giải thích thể chế về tăng trưởng kinh tế, cho thấy những giải thích này có thể bị hạn chế và không đầy đủ giống như việc chỉ dựa vào các giải thích văn hóa có thể không thỏa đáng.

Trong Chương 2, tôi chuyển sang thảo luận những thay đổi về kinh tế có thể mang lại những thay đổi về văn hóa như thế nào, đặc biệt tập trung vào sự chuyển đổi của một xã hội do sự thay thế các thể chế cũ với các giá trị và thái độ vật chất bằng các thể chế trẻ hơn có thiên hướng về giá trị hậu vật chất. Sự thịnh vượng kinh tế khiến người ta có xu hướng đề cao các mối quan tâm như quyền tự do cá nhân, sự công bằng xã hội, chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường hơn là tiếp tục theo đuổi tăng trưởng kinh tế hay lợi ích vật chất bất chấp những giá trị hậu vật chất này. Người dân ở Trung Quốc và Hoa Kỳ cho thấy những

khác biệt quan trọng trong xu hướng tuân thủ các quan điểm giá trị vật chất và hậu vật chất này.

Dẫn dắt bởi một số công trình của Ronald Inglehart (1990, 1997, 2004); Inglehart và Baker (2000); Inglehart và cộng sự (2004); Inglehart và Welzel (2005), nghiên cứu khảo sát trong những thập kỷ gần đây đã tạo ra và biên soạn dữ liệu có hệ thống về thái độ và giá trị của đại chúng ở các quốc gia khác nhau và vào những thời điểm khác nhau. Những dữ liệu này chứng minh một quá trình chuyển đổi văn hóa, theo đó những người trẻ tuổi lớn lên trong những năm kinh tế dồi dào có xu hướng sở hữu các giá trị hậu vật chất, đề cao sự tự thể hiện và quyền tự do cá nhân. Ngược lại, các thế hệ lớn tuổi hơn - đặc biệt là những người từng trải qua thời kỳ kinh tế khó khăn hoặc bất ổn chính trị - lại thường đề cao những mục tiêu vật chất như thu nhập cao và công việc ổn định.

Khi các quốc gia như Trung Quốc và Hoa Kỳ đang ở các giai đoạn phát triển kinh tế khác nhau, người dân của họ có xu hướng thể hiện các mức độ ủng hộ khác nhau đối với các mối quan tâm vật chất và hậu vật chất. Trung Quốc, một nền kinh tế đi sau và ở giai đoạn phát triển kinh tế sớm hơn, có tỷ lệ người dân chú trọng đến các mối quan tâm vật chất cao hơn so với Hoa Kỳ. Trong việc giáo dục con cái, cha mẹ Trung Quốc có xu hướng nhấn mạnh hơn các đức tính tiết kiệm, chăm chỉ và tự kỷ luật. Họ và con cái của họ cũng có xu hướng cho rằng sự khác biệt về kết quả cá nhân, chẳng hạn như điểm thi của học sinh, là do đạo đức nghề nghiệp. Ngược lại, người Mỹ thường lý giải những khác biệt này là do tài năng bẩm sinh. Do sự khác nhau về quan điểm và giá trị vật chất, hậu vật chất giữa các xã hội, chúng ta có thể dự đoán triển vọng tăng trưởng kinh tế của hai nước này sẽ thay